

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: /2020/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cơ quan địa phương của tỉnh Quảng Ngãi quyết định tịch thu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XII, KỲ HỌP GIỮA NĂM 2020**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cơ quan địa phương của tỉnh Quảng Ngãi quyết định tịch thu; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản thuộc phạm vi quản lý đối với:

a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa; tài sản của các vụ việc xử lý quy định tại khoản này bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản.

b) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ các tài sản quy định tại các Khoản 2 và 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

c) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

d) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền.

đ) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý.

2. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với:

a) Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

b) Tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu.

c) Tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa; tài sản của các vụ việc xử lý bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản.

b) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ các tài sản quy định tại các Khoản 2 và 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ) gồm: tài sản chuyển giao đã xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng và tài sản chuyển giao không xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng là: bất động sản, xe ô tô các loại, tài sản khác có giá trị trên 50 triệu đồng/1 đơn vị tài sản.

c) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

d) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giải thể.

đ) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý.

2. Thủ trưởng Sở, ban, ngành tỉnh và cấp tương đương quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (trừ các tài sản quy định tại các Khoản 2 và 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ) đối với tài sản chuyển giao đã xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng và không thuộc phạm vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Giám đốc Sở Tài chính quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ các tài sản quy định tại các Khoản 2 và 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ) đối với tài sản chuyển giao không xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng và không thuộc phạm vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không có người thừa kế không thuộc quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

b) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý

của địa phương (trừ các tài sản quy định tại các Khoản 2 và 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ) đối với tài sản chuyển giao đã xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng và không thuộc phạm vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

c) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với:

- Tài sản là bất động sản, xe ô tô các loại, tài sản khác có giá trị trên 50 triệu đồng/1 vụ việc xử lý do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc địa phương quyết định tịch thu.

- Điều chuyển tài sản giữa các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh với cấp huyện; giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện khác đơn vị hành chính.

b) Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh chủ trì quản lý tài sản quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với:

- Tài sản có giá trị không quá 50 triệu đồng/1 vụ việc xử lý (trừ tài sản là bất động sản; ô tô) do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh quyết định tịch thu.

- Điều chuyển tài sản trong phạm vi nội bộ giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với:

- Tài sản có giá trị không quá 50 triệu đồng /1 vụ việc xử lý xảy ra trên địa bàn địa phương quản lý (trừ tài sản là bất động sản; ô tô) do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện quyết định tịch thu.

- Điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu theo quy định của pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền bàn giao cho đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ (trừ các trường hợp quy định tại điểm a, điểm

b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ):

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan thi hành án các cấp chuyển giao là bất động sản và xe ô tô.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp tỉnh và cơ quan thi hành án cấp quân khu chuyển giao (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này).

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp huyện chuyển giao (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này).

3. Đối với tài sản là vật chứng vụ án do cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân ra quyết định tịch thu (trừ các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ):

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân các cấp ra quyết định tịch thu là bất động sản và xe ô tô.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan điều tra cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh ra quyết định tịch thu (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này).

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan điều tra cấp huyện, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện ra quyết định tịch thu (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này).

4. Đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân tại Điều 3 Nghị quyết này (trừ các trường hợp quy định tại điểm a, b và d khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ)

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quy định tại khoản 1,2,3 Điều 3 Nghị quyết này.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết này.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại

biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Khi văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XII, Kỳ họp giữa năm 2020 thông qua ngày tháng năm 2020, có hiệu lực từ ngày tháng năm 2020./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBNDQH;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế-Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND, UBND tỉnh, UBNDTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc cho Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội bầu ở tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, Hội, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VP HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Lưu: VT, KTNS

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Quỳnh Vân